

Số: 241/BC-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 11 tháng 12 năm 2009

(V/v báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT)

Kính gửi: Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo

Thực hiện theo yêu cầu công văn số 9535/BGDĐT-KHTC ngày 27/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT. Nay Trường Đại học Tây Đô xin báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo các nội dung chính sau đây:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Các chuẩn đầu ra đã công bố

a.1. Điều kiện để sinh viên, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp:

- Đối với sinh viên đại học, cao đẳng được Trường áp dụng Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét điều kiện cấp bằng tốt nghiệp.

- Đối với học sinh trung cấp, Trường áp dụng Quy chế 40/2007 ngày 01/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét điều kiện cấp bằng tốt nghiệp.

a.2. Về mục tiêu đào tạo:

Phần kiến thức đào tạo, kỹ năng, vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp được thực hiện theo mục tiêu đào tạo của mỗi chuyên ngành đại học, cao đẳng, trung cấp.

a.3. Về trình độ ngoại ngữ, tin học:

- Sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng phải có chứng chỉ B Anh văn, B Tin học mới được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Riêng ngành đại học Kinh tế ngoại thương, ngành Du lịch, sinh viên phải có chứng chỉ C Anh văn mới được cấp bằng tốt nghiệp đại học.

- Sinh viên cao đẳng, học sinh trung cấp: phải đạt điểm Anh văn căn bản, tin học căn bản mới được cấp bằng tốt nghiệp

Ngoài ra, sinh viên đại học các lớp được trang bị thêm về ngoại ngữ chuyên ngành 90 tiết/lớp, sinh viên cao đẳng 60 tiết/lớp.

a.4. Về kỹ năng giao tiếp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học:

Sinh viên đại học được học 30 tiết mỗi lớp; sinh viên cao đẳng học Kỹ năng giao tiếp 30 tiết.

b) Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp năm 2008 có việc làm

Vào năm 2009, Trường Đại học Tây Đô có sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên ở 02 lớp Cao đẳng khóa 1. Căn cứ theo nội dung báo cáo thì nội dung trên chưa có số liệu thống kê.

c) Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

c.1. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn:

c.1.1. Tên dự án: Xây dựng nhiệm vụ Khoa học công nghệ cho quận Cái Răng.

– Người thực hiện:

- Nguyễn Văn Bá – chủ nhiệm.
- Trần Văn Tư – phó chủ nhiệm.
- Phạm Phi Hùng – ủy viên

– Thời gian thực hiện: 6 tháng (từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2009)

– Kinh phí: 63 triệu.

– Sản phẩm của dự án: báo cáo nghiệm thu và phiếu đề xuất đề tài dự án

– Sản phẩm của dự án đã được báo cáo nghiệm thu

c.1.2. Xây dựng nhiệm vụ Khoa học công nghệ quận Thốt Nốt

– Người thực hiện:

- Trần Văn Tư – Chủ nhiệm.
- Phạm Phi Hùng – Phó chủ nhiệm.
- Nguyễn Văn Bá – ủy viên.
- Trương Chí Tiến – ủy viên

– Thời gian thực hiện: 6 tháng (từ tháng 10/2009 đến 3/2010)

– Kinh phí: 105 triệu

– Sản phẩm của dự án: báo cáo nghiệm thu và phiếu đề xuất đề tài dự án.

– Sản phẩm: báo cáo nghiệm thu trong đó các phiếu đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

c.2. Hội thảo:

c.2.1. Hội thảo ở Lào (National University of Lao)

- Người thực hiện: 22 thành viên quốc tế trong chương trình trọng điểm Á châu
- Thời gian thực hiện: từ ngày 25 đến ngày 26/8/2009
- Kinh phí: chương trình tài trợ

c.2.2. Hội thảo ở Thái Lan (Khonkaen University of Thailand)

- Người tham dự: 45 thành viên quốc tế trong chương trình trọng điểm Á châu
- Thời gian thực hiện: từ ngày 27 đến ngày 29/8/2009

c.2.3. Hội thảo về “Vi điều khiển và PLC ứng dụng”.

- Thời gian thực hiện: ngày 27 tháng 6 năm 2009.
- Địa điểm: Đại học Tây Đô.
- Người tham dự: 350 người

Người chủ trì: tiến sĩ Nguyễn Chí Ngôn – Giám đốc trung tâm Điện – Điện tử trường Đại học Cần Thơ

c.2.4. Hội thảo “Sinh viên nghiên cứu khoa học”

- Thời gian thực hiện: tháng 3 năm 2009.
- Địa điểm: Đại học Tây Đô.
- Người tham dự: 300 sinh viên.
- Chủ trì: khoa Kinh tế

c.2.5. Hội thảo “Sinh viên Tây Đô tiếp cận thực tiễn kinh doanh”.

- Thời gian thực hiện: tháng 5 năm 2009.
- Địa điểm: Đại học Tây Đô.
- Người tham dự: 450 sinh viên.
- Chủ trì: khoa Kinh tế

c.3. Kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục:

- Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục: chưa, chỉ mới lấy ý kiến phản hồi của sinh viên – học sinh
- Báo cáo tự đánh giá: chưa
- Báo cáo đánh giá ngoài: chưa

2. Công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

a) *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tính đến ngày 31/10/2009:*

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (theo biểu mẫu 23 của Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT)

THÔNG BÁO Công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học, năm học 2009-2010

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Chức danh		Trình độ đào tạo					Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, Hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao học	Trình độ khác	
	Tổng số giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên	192			01	02	06	70	58	19	36	
I	Giảng viên	127										
1	Khoa Kinh tế - QT Kinh doanh	14			1	1		6	4	2		
2	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ	10						6	2	2		
3	Khoa Cơ bản	36					1	20	12	3		
4	Khoa Ngữ văn	33						15	10	8		
5	Khoa Sinh học ứng dụng	21				1	1	16	1	2		
6	Trung tâm Tin học	13						1	11	1		
II	Cán bộ quản lý và nhân viên	65										
1	Hiệu trưởng	1					1					
2	Phó Hiệu trưởng	2					2					
3	Phòng Tổ chức	20							3		17	

	– Hành chính											
4	Phòng Đào tạo	9						3	1	5		
5	Phòng Tài chính – Kế hoạch	3					1	2				
6	Phòng Quản trị thiết bị	5					1	1		3		
7	Phòng Công tác chính trị- Quản lý sinh viên	3						1		2		
8	Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	3				1		1		1		
9	Trung tâm Tin học	3					1			2		
10	Trung tâm ngoại ngữ	6					1	2		3		
11	Thư viện	4					1	1		2		
12	Khoa Kinh tế - QT Kinh doanh	2						2				
13	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ	2						2				
14	Khoa Đào tạo thường xuyên	2					1			1		

b) Cơ sở vật chất:

Số lượng và diện tích giảng đường, phòng học, phòng chuyên môn, xưởng thực tập, ký túc xá và khu thể thao, các loại thiết bị đào tạo và thí nghiệm được sử dụng (theo Biểu mẫu 22 của Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT).

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, năm học 2009 - 2010

STT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số
-----	----------	--------	---------

		tính	
I	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	ha	12.6
II	Số cơ sở đào tạo	cơ sở	01
III	Diện tích xây dựng	m ²	40.000
IV	Giảng đường/phòng học	m ²	22.750
1	Số phòng học	phòng	62
2	Diện tích	m ²	140
V	Diện tích hội trường	m ²	1.200
VI	Phòng máy tính		
1	Diện tích	m ²	520
2	Số máy tính sử dụng được	máy tính	400
3	Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	400
VII	Phòng học ngoại ngữ		
1	Số phòng học	phòng	20
2	Diện tích	m ²	1.500
3	Số thiết bị đào tạo ngoại ngữ chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sx)	Máy cassetts Sony CFD-S03, V7 (SX 2007) Phòng Lab	60 máy
VIII	Thư viện		
1	Diện tích	m ²	450

<p>- Máy chính S170</p> <p>- Dao khía rãnh model S173-03 Matest-Italy. Dao khía rãnh theo tiêu chuẩn CNR/UNI, AASHTO</p> <p>- Dao khía rãnh model S173-04 Matest-Italy. Dao khía rãnh cho dụng cụ xác định giới hạn chảy, theo tiêu chuẩn ASTM</p> <p>Giới hạn dẻo Việt Nam. Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo. Gồm : tấm kính 300 x 250 x 10mm, thanh chuẩn 3mm, đĩa trộn bằng sứ, dao spatual 100mm, 6 cốc nhôm 50 x 35mm</p> <p>Máy thử cắt đất model ZJ-(3) Nanjing- Trung Quốc. Máy cắt đất hai tốc độ. Tốc độ cắt bằng điện 0.8 hay 2.4mm/phút hoặc bằng tay. Sử dụng loại mẫu diện tích 30cm². Lực nén pháp tuyến 50, 100, 200, 300 và 400kPa. Cung cấp nguyên bộ với hộp mẫu nén, bộ quả gia tải và vòng lực 1.2KN với bảng hiệu chuẩn. Nguồn điện 220V, 50Hz.</p> <p>Máy thử nén đất model WG-1B Nanjing-Trung Quốc. Máy nén cố kết tam liên. Máy dùng thử nén đất, xác định mối liên hệ giữa biến dạng và nén của đất, để tính toán độ lún, chỉ số nén chỉ số đàn hồi cũng như hệ số cố kết. Áp lực nén đến 12.5 - 1600KPa. Hộp mẫu nén 30cm³ hoặc 50cm². Cung cấp nguyên bộ với hộp mẫu nén, quả gia tải và đồng hồ so.</p> <p>Cối chà proctor tiêu chuẩn Việt Nam. Bộ cối chà proctor tiêu chuẩn, bao gồm: Cối Proctor tiêu chuẩn đường kính 4", thể tích 1/30 cu.ft. Gồm : khuôn + cổ + tấm đế Chày Proctor tiêu chuẩn đường kính 2", nặng 5.5lb, chiều cao rơi 12".</p>		<p>02</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>04</p> <p>01</p>
--	--	---

<p>Cối chày proctor cải tiến Việt Nam. Bộ cối chày Proctor cải tiến, bao gồm: Cối Proctor cải tiến đường kính 6”, thể tích 1/13.33 cu.ft. Gồm : khuôn + cỏ + tấm đế Chày Proctor cải tiến đường kính 2”, nặng 10lb, chiều cao rơi 18”.</p> <p>Dao vòng và đế đóng 100cm³ Việt Nam. Dao vòng bằng thép không rỉ, dung tích 100cc (φ50,4 x 50mm) Đế đóng cho dao vòng φ50,4mm, bằng thép, VN</p> <p>Máy thí nghiệm CBR Model CBR-2 Nanjing-Trung Quốc. Máy ép thử CBR dùng động cơ điện. Khả năng chịu tải 50kN. Cung cấp bao gồm Vòng lực 50kN đồng hồ chuyển vị 0-5/0.01mm, piston xuyên, giá đỡ đồng hồ, đồng hồ. Tốc độ piston 1mm/phút, 1.27mm/phút. Piston xuyên φ 50 x 100mm, kích thước mẫu φ 152 x 166mm. Nguồn điện 220V, 50Hz.</p> <p>Bộ khuôn CBR Việt Nam. Bộ phụ kiện CBR. Bao gồm: khuôn CBR, đĩa phòng, giá đỡ đồng hồ, đồng hồ so 10/0,01mm và các tấm gia tải. 3 bộ Đĩa nén (spacer disc) đường kính 151mm, nặng 7,25kg với tay xách. VN</p> <p>Bộ sàng đất Trung Quốc. Bộ sàng đất đường kính 200mm, cao 50mm, cỡ lỗ: 10; 5; 2; 1; 0.5; 0.25; 0.1 mm. Đáy + nắp</p> <p>Cân chính xác Model PA4102 Ohaus-USA. Cân chính xác, loại điện tử,</p>	<p>20</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>01</p> <p>02</p>
---	---

<p>Khả năng cân 4100g, Độ đọc được 0.01g 19 đơn vị cân chọn được và chức năng đếm hạt Khả năng cân bên dưới để xác định tỉ trọng Đĩa cân bằng thép không rỉ đường kính 180mm. Cổng giao tiếp RS232 cho nối máy in hoặc PC Cung cấp gồm: cân, 230V AC adapter và hướng dẫn sử dụng. <i>Made in China</i></p>		
<p>Máy nén nở hông Model YSH-2 Nanjing-Trung Quốc. Máy nén đất nở hông dùng để xác định cường độ chịu nén và cường độ chịu cắt tại hiện trường hay trong phòng thí nghiệm Khả năng tải max: 5KN Áp lực max: 2.5MPa Kích thước mẫu $\phi 50\text{mm} \times 50\text{mm}$. $\phi 50\text{mm} \times 100\text{mm}$. Tốc độ gia tải: 1mm/phút Cung cấp với vòng lực 1.2KN và hai tấm nén. Nguồn điện 220V, 50Hz. Nặng 16kg</p>		02
<p>Tủ sấy 300°C model 101-1 Ketong-Trung Quốc. Tủ sấy, bằng thép sơn. Gia nhiệt đến 300°C. Điều khiển nhiệt độ bằng điện tử, chỉ thị nhiệt bằng đồng hồ kim. Có quạt điều nhiệt. Dung tích 70 lít (450 x 450 x 350mm). Cung cấp với 2 kệ. 220V, 50Hz</p>		01
<p>-Đồng hồ bấm giây điện tử Q & Q. Nhật Bản khả năng đọc 0,01s</p>		02
<p>-Nhiệt kế thủy tinh, -2°C -- + 400°C /1°C. EU</p>		01
<p>-Nhiệt kế thủy tinh, 30°C -- + 200°C/ 0.5°C. EU</p>		01
<p>-Nhiệt kế thủy tinh, -1°C -- + 101°C/ 0.1°C. EU</p>		01
<p>-Hộp nhôm đựng mẫu $\phi 50 \times 35\text{mm}$, có nắp, VN</p>		01
<p>-Cối chà sứ $\phi 145\text{mm}$, TQ</p>		80
<p>-Cối chà inox, $\phi 120\text{mm}$, TQ</p>		05

-Chày cao su, VN	05
-Khay inox 350 x 250 x 50mm, Việt Nam	01
-Bình tỷ trọng 250ml, TQ	02
-Ống đong, 1000ml TQ	01
-Dao gạt đất Việt Nam. Thẳng dùng để gạt đất dư, kích thước: 300 x 30 x 3 mm bằng thép không gỉ	05
-Bình tam giác 1000ml với tấm kính dày. Trung Quốc	02
-Bếp điện Việt Nam. Bếp điện, nguồn điện 220V, 50Hz 1000W	02
-Máy toàn đạc điện tử SOUTH – Mỹ Model : NTS - 305B	01
- Hai màn hình hiển thị.	
- Độ chính xác góc : ± 5".	
- Góc hiển thị nhỏ nhất: ± 1"	
- Độ chính xác cạnh: ± (3 + 2ppm x D) mm	
- Bộ nhớ : 10.000 điểm đo	
-Trọn bộ gồm:	
Đầu máy	
Thùng đựng máy	
Bao nilong che máy	
Bộ tấm chỉnh máy	
Pin sạc	
Bộ sạc cho pin	
Thước đo chiều cao máy	
Đĩa truyền dữ liệu	
Cáp truyền số liệu	
Gương đơn	
Nắp đậy gương	
Túi đựng gương	
Bộ giữ (khung gương)	
Bảng ngắm	
Sào gương có bọt thủy	

<p>Chân nhôm cho máy Chân giá kẹp sào gương Quai đeo máy Cataloge T. Anh Cataloge T. Việt Máy bộ đàm kenwood TK – 2107</p> <p>-Máy kính vĩ quang cơ TE – 6 (TQ) -Máy thủy bình AL – 32x (ĐL) -Thước thép 30ml (ĐL) -Thước thép 50ml (ĐL)</p> <p>2.2 Phòng thí nghiệm Hóa - Sinh</p> <p>- Máy quang phổ tách nước- Model: Spectroquant ® Pharo 100. Xuất xứ: Merck – Đức</p> <p>Phụ kiện kèm theo</p> <p>1. Cuvet hình chữ nhật 10mm(2 cái) 2. Cuvet hình chữ nhật 20mm (2 cái) 3. Cuvet đo dạng ống 16mm, có nắp, 25 cái/hộp</p> <p>- Nồi hấp tiệt trùng Model SA-300VF(Thể tích:300mm, ϕ710mmD, thể tích 50 lít) - Tủ Ấm Model INB 500, Hãng sản xuất- Đức (Thể tích: 108 lít, Số giờ để khai:05) - Kính hiển vi 02 mắt- Binocular Microscope, Hiệu: Akruss- Germany- Model: MBL 200(Độ phóng đại: 1000) - Kính hiển vi soi nổi, Hiệu Kruss- Đức- Model: MSL 4330 (Độ phóng đại: 20X và 40X, 02 thị kính: 10XWF) - Máy đo pH để bàn- Model pH 212, Hãng sản xuất Hanna(Thang đo PH:-2.00 đến 16pH và -2.000 đến 16.000) - Máy lắc ống nghiệm- Lap dancer vario, Hãng sản xuất: YelloowLine- IKA- Đức - Bồng đếm phiêu sinh vật Sedgewick Rafter nhựa Mỹ</p>			<p>04 04 02 02</p> <p>01</p> <p>01 01 01 01 01 10 01 01 02 05</p>
---	--	--	---

- Micropipet 5-50 μ l, Hãng sản xuất Biohit- Phần Lan	01
- Micropipet 20-200 μ l, Hãng sản xuất Biohit- Phần Lan	01
- Micropipet 100-1000 μ l, Hãng sản xuất Biohit- Phần Lan	01
- Micropipet 1-5 μ l, Hãng sản xuất Biohit- Phần Lan	02
- Giá để Micropipet nằm ngang Isolab- Đức	01
- Cân điện tử 210g(4 số lẻ) Model: TE 214S	01
- Cân kỹ thuật 410g(2 số lẻ) Model: TE 412	01
- Máy khuấy từ gia nhiệt không dầu dò, Model: MAG HS7	01
- Tủ cấy vi sinh, NSX Việt Nam	01
- Tủ hút khí độc, NSX: Việt Nam	01
- Tủ Sấy, Model UNE 400, Xuất xứ Đức(Thể tích:53 lít)	01
- Bộ tiểu phẫu- Paksitan(7 món)	01
- Bếp điện Gali	01
- Bình định mức 25ml Isolab- Đức	01
- Bình định mức 50ml Isolab- Đức	01
- Bình định mức 100ml Isolab- Đức	01
- Bình định mức 250ml Isolab- Đức	02
- Bình định mức 500ml Isolab- Đức	02
- Bình định mức 1000ml Isolab- Đức	01
- Bình tam giác chia vạch không nút 50ml-TQ	100
- Bình tam giác chia vạch không nút 250ml-TQ	20
- Bình tam giác chia vạch không nút 1000ml-TQ	20
- Bình tam giác chia vạch không nút 1000ml Schott- Đức	20
- Burex khóa nhựa 25ml	05
- Bộ giá đỡ buret + kẹp + chân đế inox- VN	10
- Bình tia nhựa 500ml- Anh	03
- Chai trắng nút vụn 100ml Schott- Đức	05
- Chai nâu miệng hẹp 125ml- TQ	100

- Chai nâu miệng rộng 250ml- TQ	10
- Chai nâu miệng rộng 500ml- TQ	10
- Chai nâu miệng rộng 1000ml- TQ	10
- Chai trắng miệng hẹp 125ml- TQ	10
- Chai trắng miệng rộng 125ml- TQ	100
- Chai trắng miệng rộng 250ml- TQ	10
- Chai trắng miệng rộng 500ml- TQ	10
- Chai trắng miệng rộng 1000ml- TQ	10
- Cốc đốt 50ml	05
- Cốc đốt 100ml	10
- Cốc đốt 250ml	05
- Cốc đốt 500ml	05
- Cốc đốt 1000ml	05
- Ống nghiệm có nút chịu nhiệt 16x160mm Schott-Đức	50
- Ống nghiệm 20x150mm không nút	100
- Ống nhỏ giọt nhựa – Đức	05
- Ống đong nhựa 50ml- Đức	20
- Ống đong nhựa 100ml- Đức	20
- Ống đong thủy tinh 25ml	100
- Ống đong thủy tinh 50ml- Đức	50
- Ống đong thủy tinh 100ml- Đức	100
- Ống đong thủy tinh 500ml- Đức	10
- Pipet thẳng kẻ vạch 1ml- TQ	10
- Pipet thẳng kẻ vạch 2ml- TQ	10
- Pipet thẳng kẻ vạch 5ml- TQ	05
- Pipet thẳng kẻ vạch 10ml- TQ	05
- Pipet thẳng kẻ vạch 25ml- TQ	02
- Nhíp gấp 16cm	20
- Kẹp gấp 50cm	20
- Kim mũi giáo –VN	20
- Khúc xạ kế đo độ mặn 0-100‰	20
2.3 Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử	04

- Thiết bị chính thực tập cơ bản về kỹ thuật tương tự, Mã hiệu: BE- A01, Xuất xứ: VIELINA	
Các Modul đi kèm	05
1. Khếch đại transistor	05
2. Khuếch đại với phản hồi âm và dương- máy phát	05
3. Bộ khuếch đại thuật toán và ứng dụng	05
4. Bộ khuếch đại âm	04
- Thiết bị chính thực tập cơ bản về kỹ thuật số	
Các Modul đi kèm	05
1. Cổng logics- Định nghĩa- phân loại	05
2. Bộ giải mã, hợp kênh và phân kênh	05
3. Triger	05
4. Các sơ đồ đếm- thanh ghi	05
5. Sơ đồ DAC	04
- Thiết bị chính thực tập cơ bản về kỹ thuật xung	
Các Modul đi kèm	05
a) Hình thành xung đơn giản	05
b) Phát xung	05
c) Hình thành xung chính xác	05
d) Máy phát chức năng	05
e) Máy phát UJT và ứng dụng	04
- Thiết bị chính thực tập giao diện chuẩn Isa	
Các Modul đi kèm	05
Giao diện PC BUS & RS 232	05
Nhận và truyền số liệu	05
Bàn phím và điều khiển LED	05
Biến đổi A/D	05
Biến đổi D/A	05
Điều khiển Mô tơ bước	05
Điều khiển Mô tơ DC	04
- Thiết bị chính thực tập Điện tử Công Suất	
Các Modul đi kèm	05
1 Khảo sát các linh kiện Điện tử công suất cơ bản (EEC.ĐTCS.01)	

	2 Chinh lưu 1 pha có điều khiển (EEC.ĐTCS.02)		05
	3 Điều khiển công suất AC (EEC.ĐTCS.03)		05
	4 Khởi động mềm (EEC.ĐTCS.04)		05
	5 Biến tần trực tiếp (EEC.ĐTCS.05)		05
X	Xưởng thực tập, thực hành		
1	Diện tích	m ²	200
2	<ul style="list-style-type: none"> - Máy Oscilloscope – OS 5020 - Cổng hồng ngoại - Máy đếm thời gian: Photo gate timer - Máy rung tạo sóng dừng - Máy chiếu Projector Panasonic PT- LB75EA - Máy in Laser Canon LBP-2900 - Máy in Laser HP – P2014 (A4) - Amply Dynastar VLA – 2906 - Micro Guinness MU 200 - Đầu DVD Arirang - Máy Scan Epson - Bộ khuếch đại Transistor - Bộ khuếch đại thuật toán và ứng dụng - Bộ khuếch đại âm - Biến áp tự ngẫu 1pha 220V/250V/1KW - Vôn met 0-500V (AC) 80x80 - Công tơ 1 pha 220V/10A - Biến áp cách ly 1 pha 110V/ 220V/ 1KW - Tivi LCD 32inch 	Thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> 02 05 02 02 02 02 01 01 02 01 01 02 02 02 03 03 02 02 01
XI	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý	Đang xây dựng, hoàn thành vào	

		cuối năm 2010	
1	Số sinh viên ở trong KTX	sinh viên	
2	Diện tích	m ²	
3	Số phòng	phòng	
4	Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /sinh viên	
XII	Diện tích nhà ăn sinh viên thuộc cơ sở đào tạo quản lý	m ²	800
XII	Diện tích nhà văn hóa	m ²	1200
XIII	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²	1.000
XIV	Diện tích bể bơi	m ²	
XV	Diện tích sân vận động	m ²	700

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học (năm học 2009-2010):

a.1. Học phí được ban hành theo Quyết định số 10/QĐ–CTHĐQT–ĐHTĐ ngày 12/02/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về mức học phí năm học 2009-2010:

** Các ngành hệ Đại học*

- Kế toán	5.280.000 đồng/năm
- Tài chính - Ngân hàng	5.280.000 đồng/năm
- Quản trị kinh doanh – Marketing	5.280.000 đồng/năm
- Công nghệ kỹ thuật xây dựng công trình	6.000.000 đồng/năm
- Tin học	6.000.000 đồng/năm
- Nuôi trồng thủy sản	6.000.000 đồng/năm
- Tiếng Anh	5.280.000 đồng/năm
- Kỹ thuật điện – điện tử	6.000.000 đồng/năm

- Du lịch	5.280.000 đồng/năm
<i>* Các ngành hệ Cao đẳng</i>	
- Kế toán	4.000.000 đồng/năm
- Quản trị kinh doanh	4.000.000 đồng/năm
- Công nghệ kỹ thuật xây dựng công trình	4.400.000 đồng/năm
- Tin học ứng dụng	4.400.000 đồng/năm
<i>* Các ngành hệ Trung học chuyên nghiệp</i>	
- Kế toán	3.300.000 đồng/năm
- Quản trị văn phòng	3.300.000 đồng/năm
- Công nghệ thông tin	3.600.000 đồng/năm
- Nghiệp vụ du lịch	3.600.000 đồng/năm
* Hệ liên thông Cao đẳng – Đại học:	6.000.000 đồng/năm
* Hệ vừa làm vừa học (liên kết với khoa Kinh tế - Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh)	5.000.000 đồng/năm
<i>Các lớp đào tạo ngắn hạn:</i>	
- Môi giới bất động sản:	1.900.000 đồng
- Quản lý và điều hành sàn giao dịch bất động sản:	1.900.000 đồng
- Định giá bất động sản	2.700.000 đồng
- Anh văn trình độ A (04 khóa)	250.000 đồng/khóa
- Anh văn trình độ B(04 khóa)	300.000 đồng/khóa
- Anh văn trình độ C (04 khóa)	350.000 đồng/khóa
- Tin học căn bản	400.000 đồng/khóa
- Tin học ứng dụng	450.000 đồng/khóa
a.2. Lệ phí: thu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	
- Lệ phí xét tuyển Đại học – Cao đẳng:	15.000 đồng/thí sinh
- Lệ phí xét tuyển Trung cấp:	30.000 đ/thí sinh
a.3. Các khoản thu khác từ người học:	

- Học phí học lại: 80.000 đ/ tín chỉ

- Thu hộ cơ quan bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn:

+ Bảo hiểm y tế: 120.000 đ/ học sinh, sinh viên -> 164.800 đ/học sinh , sinh viên theo quy định của luật Bảo hiểm y tế.

+ Bảo hiểm tai nạn tự nguyện: 50.000 đ/ học sinh – sinh viên

b. Các nguồn thu khác của Trường (ngoài học phí và các khoản thu khác từ người học): Thu từ hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, chuyển giao công nghệ, các hoạt động dịch vụ .v.v...(theo số dự toán năm 2009).

- Hợp đồng đào tạo với Đại học An Giang: 58.800.021 đồng

- Các hoạt động dịch vụ:

+ Hoa hồng bảo hiểm: 40.000.000 đồng

+ Giữ xe: 200.000.000 đồng/năm

c. Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, học bổng và trợ cấp (số lượng sinh viên và số dự toán kinh phí thực hiện năm 2009)

c.1. Chính sách miễn, giảm học phí:

Sinh viên, học sinh diện chính sách được miễn giảm học phí như sau:

- Giảm 50% học phí đối với con liệt sĩ

- Giảm 30% học phí đối với con thương binh, bệnh binh, người kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, người có thể chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh, con mồ côi cả cha lẫn mẹ, con mồ côi cha hoặc mẹ có hoàn cảnh khó khăn(có sổ hộ nghèo).

- Giảm 20% học phí đối với con người dân tộc thiểu số nghèo (không kể con người dân tộc Hoa, có sổ hộ nghèo).

Sinh viên, học sinh được miễn giảm học phí theo quy định tại thông tư số 23/2001/TTLT/ BTC – BLĐTBXH (Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của liệt sĩ, con của thương binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của bệnh binh) ngoài mức miễn giảm theo quy định của Trường liên hệ với Phòng Công tác chính trị và Quản lý học sinh, sinh viên hoặc Phòng Đào tạo để được hướng dẫn thủ tục hỗ trợ học phí từ ngân sách nhà nước.

- Số lượng sinh viên, học sinh được miễn giảm học phí: 1.476 học sinh, sinh viên

- Dự toán kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí: 1.178.935.601 đồng.

c.2. Học bổng năm học 2008-2009: 513.500.000 đồng cho 505 học sinh, sinh viên

c.3. Trợ cấp khác cho sinh viên, học sinh (ốm đau, tai nạn, chết): 36.063.000 đồng

d. Thu nhập bình quân/1 tháng của giảng viên; của cán bộ quản lý và của nhân viên phục vụ (năm 2008 và ước thực hiện năm 2009)

Năm 2008:

- Giảng viên: 3.745.127 đồng
- Cán bộ quản lý: 4.646.130 đồng
- Nhân viên phục vụ: 2.045.127 đồng

Năm 2009:

- Giảng viên: 5.168.395 đồng
- Cán bộ quản lý: 6.546.000 đồng
- Nhân viên phục vụ: 2.636.107 đồng

Trên đây là các nội dung báo cáo của Trường Đại học Tây Đô.

Rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu VT, TC – HC.

Q. HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Văn Quang